

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HS-ST
Ngày: 09-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bằng;

- Bà Trần Thị Ánh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2022/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Thanh T (H), sinh ngày 25/02/1992; nơi sinh: thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 09, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ hai.

- Tiền án: Ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố C kết án 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” (trị giá tài sản chiếm đoạt 3.000.000 đồng), đến ngày 11/6/2021, chấp hành xong, chưa xóa án tích.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Lê Lâm Đức T, sinh năm 2003; nơi cư trú: tổ 14, khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1988; Vắng mặt.
- Bà Lê Thị C, sinh năm 1956; Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997; Vắng mặt.
- Ông Lê Hiếu T, sinh năm 2000. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 02/10/2022, sau khi chơi game, Lê Thanh T về nhà tại số 237, đường L, tổ 09, khóm V, phường C, thành phố C, thấy xe mô tô biển số 67G1-808.85 của Lê Lâm Đức T đậu trước nhà, chặn cửa ra vào, T di dời xe về phía trước, khi phát hiện trên xe vẫn còn chìa khóa. Quan sát thấy T đang ngồi trong nhà của T nói chuyện với Lê Hiếu T (em ruột T), không để ý, T lên mở cốp xe lấy 01 túi xách da, màu đen, bỏ đi, kiểm tra bên trong có 11.000.000 đồng. T lấy hết số tiền này cất giấu trong người, ném bỏ túi xách gần khu vực nhà Lê Thị C (cô ruột T), tổ 09, khóm V, phường C, thành phố C, sau đó đi mua ma túy sử dụng và tiêu xài 3.500.000 đồng; còn lại 7.500.000 đồng, T cất trong tủ (chỗ ngủ của T), phía trước nhà C. T, Th nghi T lấy trộm tiền nên đi tìm T. Đến khoảng 10 giờ ngày 03/10/2022, thấy T ngủ, Th thông tin cho T biết, T bỏ chạy trốn, đến khu vực khóm V, phường V, thành phố C, gặp T và Nguyễn Ngọc T (bạn của T). Biết đã bị phát hiện, T thừa nhận hành vi lấy trộm, mượn điện thoại của T liên lạc, nhờ C mang số tiền cất giấu trong tủ và nhặt lại túi xách trả cho T, sau đó cùng T đến Cơ quan Công an làm việc, khai nhận hành vi nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 túi xách da, màu đen, hiệu Jeep, kích thước (25 × 16) cm; tiền Việt Nam 7.500.000 đồng (đã trao trả cho bị hại Lê Lâm Đức T).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 673/KL-ĐG ngày 04/10/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C, ghi nhận: 01 túi xách da, màu đen, hiệu Jeep, kích thước (25 × 16) cm, trị giá 120.000 đồng.

Ngày 03/10/2022 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Thanh T về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Cáo trạng số: 104/CT-VKSCĐ-HS ngày 23/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Lê Thanh T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Chủ tọa công bố lời khai của bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo Lê Thanh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt túi xách da bên trong có 11.000.000 đồng của Lê lâm Đức T, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của người khác, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo có một tiền án, ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố C kết án 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản chiếm đoạt 3.000.000 đồng), đến ngày 11/6/2021, chấp hành xong, chưa xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, học lực thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp.

Về xử lý vật chứng, tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại nên đề nghị không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Tuấn bồi thường cho bị hại số tiền 3.500.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt tiêu xài hết.

Đối với người chạy xe honda đầu chờ Lê Thanh T đi mua ma túy; người nam bán ma túy cho T, do không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng

của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[3] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Lê Thanh T khai, khoảng 22 giờ ngày 02/10/2022, sau khi chơi game, Lê Thanh T về nhà, thấy xe mô tô biển số 67G1-808.85 của Lê Lâm Đức T dựng trước nhà, chắn cửa ra vào, T đẩy xe về phía trước, phát hiện trên xe vẫn còn chìa khóa. Quan sát thấy T đang ngồi trong nhà nói chuyện với Lê Hiếu T (em ruột T), không để ý, T lên mở cốp xe lấy 01 túi xách da, màu đen, bỏ đi, kiểm tra bên trong có 11.000.000 đồng. T lấy hết số tiền này cất giấu trong người, ném bỏ túi xách gần khu vực nhà Lê Thị C (cô ruột T). Sau khi lấy trộm của Lê Lâm Đức T số tiền 11.000.000 đồng, T thuê xe honda đầu đi đến đường C, khóm C, phường C, thành phố C, gặp người nam (không rõ lai lịch) mua ma túy sử dụng và tiêu xài 3.500.000 đồng; còn lại 7.500.000 đồng, T cất giấu trong tủ (chỗ ngủ của T), bị phát hiện, giao nộp cho Công an; T không nói cho Lê Thị C biết việc lấy trộm, cất giấu trong tủ nhà C.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, nhận thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng, đồng thời phù hợp với nội dung trong biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, các biên bản lấy lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là 01 túi xách da, màu đen, hiệu Jeep, kích thước (25 × 16) cm; tiền Việt Nam 7.500.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, lợi dụng sự sơ hở của Lê Lâm Đức T trong việc quản lý tài sản, cụ thể thấy xe mô tô đậu trước nhà, bị cáo lên mở cốp xe lấy 01 túi xách da, trong đó có số tiền 11.000.000 đồng. Bị cáo đã mua ma túy sử dụng và tiêu xài 3.500.000 đồng; còn lại 7.500.000 đồng, cất giấu trong tủ (chỗ ngủ của T), bị phát hiện, giao nộp cho Công an.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 673/KL-ĐG ngày 04/10/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C, ghi nhận: 01 túi xách da, màu đen, hiệu Jeep, kích thước (25 × 16) cm, trị giá 120.000 đồng.

Bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của Lê Lâm Đức T, trị giá 11.120.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông T là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân:

- Ngày 13/9/2016, Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, thời hạn 06 tháng, về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong.

- Ngày 07/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố C, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã bị kết án 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 11/6/2021, chấp hành xong, chưa xóa án tích; tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó trường hợp của bị cáo được xem là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung, bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại 01 túi xách da, màu đen, hiệu Jeep, kích thước (25 × 16) cm; tiền Việt Nam 7.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt 3.500.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo Tuấn trả lại cho bị hại số tiền 3.500.000 đồng.

[9] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với người chạy xe honda đầu chở Lê Thanh T đi mua ma túy; người nam bán ma túy cho T, do không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Lê Thanh T 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 04/10/2022 (*Ngày bốn, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai*).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Thanh T trả lại cho bị hại Lê Lâm Đức T số tiền 3.500.000 đồng.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. C (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc Phụng